

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2022/KDTM-ST

Ngày 28-6-2022

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán nợ theo Hợp đồng kinh tế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hoài Nam

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 15/2021/TLST-KDTM ngày 13/10/2021 về việc: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng kinh tế”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX-KDTM và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-KDTM ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Công ty X***

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hồng N - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Trung tâm tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho phụ nữ và trẻ em; trụ sở: Đường N, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, do Luật sư Phan Thị Thu N1 - Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; xin vắng mặt.

*** Bị đơn: Công ty Y**

Địa chỉ: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy T - Chức vụ: Phó phòng TC-TK (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2021); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai của Nguyên đơn trình bày tại Tòa án như sau:* Công ty X (sau đây gọi tắt là Công ty 6) có quan hệ kinh tế với Công ty Y (sau đây gọi tắt là Công ty 120) thông qua 02 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thầu phụ số 27/2015/HĐTP-TCXDCT ngày 16/4/2015 về việc thi công phần xây lắp Ga Lạc Sơn, Ga Tiên An thuộc Gói thầu số 8: Kéo dài đường 03 ga: Tiên An, Thừ Lưu, Cầu Hai; đặt thêm đường số 3 ga Lạc Sơn của Tổng công ty Đ;

+ Hợp đồng mua bán vật tư số 11/2015/HĐMBVT ngày 22/4/2015 phục vụ thi công Gói thầu 8: kéo dài đường 03 ga: Tiên An, Thừ Lưu, Cầu Hai; đặt thêm đường số 3 ga Lạc Sơn.

Công trình đã được hai bên nghiệm thu đưa vào sử dụng và ký hồ sơ quyết toán từ năm 2016. Việc thanh toán đến nay như sau:

- Đối với Hợp đồng thầu phụ số 27/2015/HĐTP-TCXDCT:

+ Giá trị quyết toán: 12.312.501.000 đồng;

+ Số tiền đã tạm ứng và thanh toán: 10.736.897.801 đồng;

+ Số tiền chưa thanh toán là: 1.575.603.199 đồng.

(Công ty 6 đã cấp 04 hóa đơn GTGT ký hiệu CT/11P số 0000775; 0000823; 0000906; 0000963 với 100% giá trị quyết toán hợp đồng cho Công ty 120).

- Đối với Hợp đồng mua bán vật tư số 11/2015/HĐM:

+ Giá trị thanh lý hợp đồng mua vật tư: 7.494.790.261 đồng;

+ Số tiền đã thanh toán là: 5.543.727.326 đồng;

+ Số tiền chưa thanh toán là: 1.951.062.935 đồng.

(Công ty 6 đã cấp hóa đơn GTGT ký hiệu CT/11P số 0000824 với 100%

giá trị thanh lý hợp đồng cho Công ty 120).

- Ngoài ra, trong quá trình thi công hạng mục công trình, Công ty 120 còn nợ Công ty 6 tiền thuê thí nghiệm tại phòng thí nghiệm VILAP 167 là 52.464.698 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí thí nghiệm các lần trước thanh toán thiếu: 166.595 đồng;

+ Kinh phí thí nghiệm quý 1 năm 2016: 52.298.103 đồng.

(Công ty 6 đã xuất hóa đơn 03 hóa đơn ký hiệu CT/11P số 0000780; 0000825; 0000964 với 100% kinh phí thí nghiệm cho Công ty 120).

Tổng cộng 03 khoản chưa thanh toán là: 3.579.130.832 đồng.

Đây là khoản nợ không được thanh toán trong nhiều năm, Nguyên đơn đã liên tục thúc giục và gửi văn bản yêu cầu Bị đơn thanh toán nhưng Bị đơn không thực hiện. Hành vi của Bị đơn đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

Do vậy, Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán cho Nguyên đơn là 5.230.385.359 đồng, trong đó bao gồm:

+ Số tiền nợ gốc là: 3.579.130.832 đồng;

+ Số tiền lãi chậm trả là: 1.651.254.527 đồng (*tính đến hết ngày 30/4/2021*).

Ngày 15/01/2022, giữa Công ty 6 và Công ty 120 đã ký Văn bản thỏa thuận về việc giải quyết vụ việc giữa Công ty 6 và Công ty 120 nhưng cho đến nay, Công ty 120 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo Văn bản thỏa thuận nêu trên.

* *Bị đơn là Công ty 120 trình bày:* Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn không trình bày quan điểm, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên không có lời khai của Bị đơn.

* *Tại phiên tòa:*

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc Bị đơn phải thanh toán: Nợ gốc chưa thanh toán là 3.579.130.832 đồng theo Văn bản thỏa thuận về việc giải quyết vụ việc giữa Nguyên đơn và Bị đơn vào ngày 15/01/2022.

Tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán: Đề nghị tính theo lãi suất quá hạn

do Ngân hàng B nơi bên nhận thầu - Công ty X mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán tính từ đầu năm 2017 (sau khi đã hết thời hạn bảo hành) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/6/2022, cụ thể như sau:

+ Lãi phát sinh năm 2017: $(4.079.130.832đ \times 10,5\%) - (300.000.000đ \times 10,5\%/năm \times 11 \text{ tháng} : 12 \text{ tháng}) - (100.000.000đ \times 10,5\% \times 4 \text{ tháng} : 12 \text{ tháng}) = 395.933.737đ$;

+ Lãi phát sinh năm 2018: $(3.679.130.832đ \times 10,5\%) - (50.000.000đ \times 10,5\% \times 10 \text{ tháng} : 12 \text{ tháng}) - (50.000.000đ \times 10,5\% \times 8 \text{ tháng} : 12 \text{ tháng}) = 378.433.737đ$;

+ Lãi phát sinh năm 2019: $(3.579.130.832đ \times 10,5\%) = 375.808.737đ$;

+ Lãi phát sinh năm 2020: $(3.579.130.832đ \times 10,5\%) = 375.808.737đ$;

+ Lãi phát sinh 04 tháng năm 2021: $(3.579.130.832đ \times 10,5\% : 12 \text{ tháng} \times 04 \text{ tháng}) = 125.269.579đ$;

+ Lãi phát sinh từ tháng 05 năm 2021 đến tháng 5/2022: $(3.579.130.832đ \times 10,5\% : 12 \text{ tháng} \times 13 \text{ tháng}) = 407.126.132đ$;

+ Lãi phát sinh từ 01/6/2022 đến ngày 28/6/2022: $(3.579.130.832đ \times 10,5\% : 12 \text{ tháng} \times 28 \text{ ngày}) = 29.229.568đ$. Tổng tiền lãi phát sinh là: 2.087.610.228 đồng.

Tổng số tiền buộc bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn cả gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2022 là: 5.666.741.061 đồng.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành các trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

Nguyên đơn.

- Về án phí: Vụ án này thụ lý ngày 13/10/2021 nên áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 01/10/2021, Công ty X nộp đơn khởi kiện Công ty Y có địa chỉ tại: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng kinh tế. Đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Công ty 6 là người khởi kiện nên là Nguyên đơn. Công ty 120 là người bị kiện nên là Bị đơn.

[3]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

* Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 3.579.130.832 đồng và tiền lãi phát sinh từ năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2022 là 2.087.610.228 đồng. Tổng số tiền buộc Bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn cả gốc và lãi là: 5.666.741.061 đồng.

[4]. Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Công ty 6 và Công ty 120 có ký kết 02 hợp đồng kinh tế như sau:

+ Hợp đồng thầu phụ số 27/2015/HĐTP-TCXDCT ngày 16/4/2015 về việc thi công phần xây lắp Ga Lạc Sơn, Ga Tiên An thuộc Gói thầu số 8: Kéo

dài đường 03 ga: Tiên An, Thừ Lư, Cầu Hai; đặt thêm đường số 3 ga Lạc Sơn của Tổng công ty Đ;

+ Hợp đồng mua bán vật tư số 11/2015/HĐMBVT ngày 22/4/2015 phục vụ thi công Gói thầu 8: kéo dài đường 03 ga: Tiên An, Thừ Lư, Cầu Hai; đặt thêm đường số 3 ga Lạc Sơn.

Sau quá trình thực hiện hợp đồng, công trình đã được hai bên nghiệm thu đưa vào sử dụng và ký hồ sơ quyết toán từ năm 2016. Việc thanh toán đến nay như sau:

- Đối với Hợp đồng thầu phụ số 27/2015/HĐTP-TCXDCT:

+ Giá trị quyết toán: 12.312.501.000 đồng;

+ Số tiền đã tạm ứng và thanh toán: 10.736.897.801 đồng;

+ Số tiền chưa thanh toán là: 1.575.603.199 đồng.

(Công ty 6 đã cấp 04 hóa đơn GTGT ký hiệu CT/11P số 0000775; 0000823; 0000906; 0000963 với 100% giá trị quyết toán hợp đồng cho Công ty 120).

- Đối với Hợp đồng mua bán vật tư số 11/2015/HĐM:

+ Giá trị thanh lý hợp đồng mua vật tư: 7.494.790.261 đồng;

+ Số tiền đã thanh toán là: 5.543.727.326 đồng;

+ Số tiền chưa thanh toán là: 1.951.062.935 đồng.

(Công ty 6 đã cấp hóa đơn GTGT ký hiệu CT/11P số 0000824 với 100% giá trị thanh lý hợp đồng cho Công ty 120).

- Ngoài ra, trong quá trình thi công hạng mục công trình, Công ty 120 còn nợ Công ty 6 tiền thuê thí nghiệm tại phòng thí nghiệm VILAP 167 là 52.464.698 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí thí nghiệm các lần trước thanh toán thiếu: 166.595 đồng;

+ Kinh phí thí nghiệm quý 1 năm 2016: 52.298.103 đồng.

(Công ty 6 đã xuất hóa đơn 03 hóa đơn ký hiệu CT/11P số 0000780; 0000825; 0000964 với 100% kinh phí thí nghiệm cho Công ty 120).

Tổng cộng 03 khoản, Công ty 120 chưa thanh toán cho Công ty 6 là: 3.579.130.832 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/01/2022, Công ty 6 và Công ty 120 đã

ký kết Văn bản thỏa thuận về việc giải quyết vụ việc giữa Công ty 6 và Công ty 120 với nội dung: Công ty 120 còn nợ Công ty 6 số tiền là: 3.579.130.832 đồng...

Sau khi bàn bạc thống nhất, Công ty 6 và Công ty 120 đồng ý thực hiện các bước giải quyết vụ việc như sau:

1. Sau khi ký kết Văn bản thỏa thuận này, Công ty 120 thanh toán cho Công ty 6 theo lộ trình trả nợ như sau:

a) Giai đoạn 1: Quý I/2022, trả 300.000.000 đồng; quý II/2022, trả 700.000.000 đồng;

b) Giai đoạn 2: Số tiền còn lại sẽ thanh toán dần theo quý cho đến hết quý IV/2023 thì thanh toán xong toàn bộ công nợ.

2. Sau khi Công ty 120 thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng, Công ty 6 sẽ rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

Nhưng sau đó, Công ty 120 không thực hiện theo như thỏa thuận nêu trên nên Công ty 6 không rút đơn khởi kiện và vẫn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Công ty 120 còn nợ Công ty 6 số tiền là 3.579.130.832 đồng nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất phát sinh từ năm 2017 với lãi suất 10,5%/năm theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng B nơi Công ty 6 mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán tính từ đầu năm 2017 (sau khi đã hết thời hạn bảo hành) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là 2.087.610.228 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh của Công ty 6 là phù hợp với mức lãi suất do pháp luật quy định tại từng thời kỳ do Ngân hàng Nhà nước công bố và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về mức lãi suất buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền là 2.087.610.228 đồng.

[6]. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất, buộc Công ty 120 phải thanh toán trả cho Công ty 6 là 5.666.741.061 đồng.

* Về án phí sơ thẩm:

[7]. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên Bị đơn phải chịu

án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[8]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X với Công ty Y.

2. Buộc Công ty Y phải thanh toán trả cho Công ty X số tiền: 5.666.741.061 đồng. Trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 3.579.130.832 đồng;

- Tiền lãi suất là: 2.087.610.228 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Công ty Y phải chịu 113.666.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm;

3.2. Hoàn trả Công ty X số tiền 56.615.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên lai số 0072804 ngày 12/10/2021.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G, t/p Hà Nội;
- Chi Cục THA DDS huyện G, t/p Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Dũng